

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**  
Địa chỉ: Số 9A Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Dịch vụ ăn uống, nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi;
- Kinh doanh vận tải, đại lý vận tải đường bộ, đường thủy.

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>Tên các đơn vị hạch toán phụ thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Vĩnh Tuy	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp xây dựng 2	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Xuất nhập khẩu 1	Áp Tân Ba, xã Thái Hoà, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Thủy sản Vĩnh Hà	Áp Nam Chánh. Xã Lịch Hội Thượng, Huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Trung tâm dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Thanh Trì	Km 10, Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Cầu Giấy	Thôn Phụng, Xã Tây Mỗ, Huyện Từ Liêm

Công ty có trụ sở tại: Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Nguyễn Đình Thi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2010)
- Ông Phạm Đình Cường Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2010)
- Ông Phan Huy Bảo Ủy viên
- Ông Trần Ngọc Thanh Ủy viên
- Ông Trần Việt Trung Ủy viên
- Ông Phạm Văn Hải Ủy Viên

Các thành viên ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Phạm Đình Cường Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2010)
- Ông Trần Công Đắc Phó Giám đốc
- Ông Lưu Quốc Hùng Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Khắc Quý Phó Giám đốc

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**  
Địa chỉ: Số 9A Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Dịch vụ ăn uống, nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi;
- Kinh doanh vận tải, đại lý vận tải đường bộ, đường thủy.

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>Tên các đơn vị hạch toán phụ thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Vĩnh Tuy	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp xây dựng 2	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Xuất nhập khẩu 1	Áp Tân Ba, xã Thái Hoà, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Thủy sản Vĩnh Hà	Áp Nam Chánh. Xã Lịch Hội Thượng, Huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Trung tâm dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Thanh Trì	Km 10, Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Trung tâm kinh doanh lương thực Cầu Giấy	Thôn Phụng, Xã Tây Mỗ, Huyện Từ Liêm

Công ty có trụ sở tại: Số 9A Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Nguyễn Đình Thi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2010)
- Ông Phạm Đình Cường Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2010)
- Ông Phan Huy Bảo Ủy viên
- Ông Trần Ngọc Thanh Ủy viên
- Ông Trần Việt Trung Ủy viên
- Ông Phạm Văn Hải Ủy Viên

Các thành viên ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Phạm Đình Cường Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2010)
- Ông Trần Công Đắc Phó Giám đốc
- Ông Lưu Quốc Hùng Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Khắc Quý Phó Giám đốc



# CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ

Địa chỉ: Số 9A Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà là lãi 2.150.834.901 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là lãi 2.200.364.417 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là lãi 2.150.834.901 VND (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối lũy kế là lãi 2.200.364.417 VND).

### Các sự kiện phát sinh ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Thuế (ATC) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2011

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Phạm Đình Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Đình Cường



Số: 19 /ATC -NV3- BCKT2010

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính**  
**của Công ty Cổ phần Xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà**  
**kết thúc ngày 31/12/2010**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn thuế (ATC), đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế chấp nhận). Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Không thống nhất trong xử lý kế toán**

Trong năm, Trung tâm chế biến nông sản Vĩnh Tuy - Công ty Cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà đã trích lại chi phí lãi vay của lô cà phê tương ứng với hàng tồn kho tại ngày 31/12/2010 trên tài khoản 142 - chi phí trả trước ngắn hạn với số tiền là 226.038.889 VND. Theo chuẩn mực kế toán số 16 ' Chi phí đi vay', chi phí đi vay này phải được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**Office.**

2nd floor, Block 2, 262 Nguyen Huy Tuong, Building  
Thanh Xuan Trung Precinct, Thanh Xuan District, Hanoi  
Tel: (84.04) 62662284, Fax: (84.04) 62662285

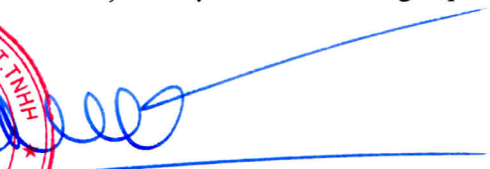




## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Ngoại trừ những ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính liên quan đến vấn đề trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



  
\_\_\_\_\_  
**Lê Thành Công**  
**Chủ tịch HĐQT**  
Chứng chỉ KTV số: 0498/KTV  
**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)**



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Hồng Sơn**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ KTV số: 1667/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A	B	C	(1)	(2)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>182.654.756.383</b>	<b>176.413.221.135</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>8.467.790.940</b>	<b>36.527.988.081</b>
1. Tiền	111		8.467.790.940	36.527.988.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.604.056.231</b>	<b>68.782.371.511</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.1a	69.817.073.569	8.809.026.044
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.1a	22.149.063.976	59.852.986.755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	637.918.686	120.358.712
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>74.562.212.727</b>	<b>55.697.861.288</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	74.562.212.727	55.697.861.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.020.696.485</b>	<b>15.405.000.255</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		292.805.524	122.428.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.701.714.059	6.806.653.285
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	19.921.820	19.921.820
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.006.255.082	8.455.996.750
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.345.501.429</b>	<b>56.640.277.923</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.161.072.854</b>	<b>34.644.636.745</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	26.183.769.849	27.402.885.328
Nguyên giá	222		39.142.715.317	38.134.871.251
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.958.945.468)	(10.731.985.923)

1399  
CÔNG TY  
VĨNH HÀ  
M T  
VẠN T  
QUẢN

A	B	C	(1)	(2)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.492.379.585	6.841.486.871
<i>Nguyên giá</i>	228		7.242.665.000	7.242.665.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(750.285.415)	(401.178.129)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	484.923.420	400.264.546
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		2.532.135.466	2.496.987.899
<i>Nguyên giá</i>	241	V.12	13.121.421.718	12.818.777.287
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	242		(10.589.286.252)	(10.321.789.388)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		15.141.369.600	15.141.369.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.141.369.600	15.141.369.600
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.510.923.509</b>	<b>4.357.283.679</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4.510.923.509	4.357.283.679
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>238.000.257.812</b>	<b>233.053.499.058</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A	B	C	(1)	(2)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>191.907.976.005</b>	<b>187.376.447.086</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>171.844.649.961</b>	<b>165.856.260.674</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	92.839.766.400	81.846.898.000
2. Phải trả người bán	312	VIII.1b	27.733.594.967	12.315.467.738
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.1b	39.531.350.047	64.752.640.537
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.526.907.590	2.019.215.077
5. Phải trả người lao động	315		252.405.784	2.509.000.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.150.000.000	487.050
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7.804.422.107	2.412.552.272
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		6.203.066	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.063.326.044</b>	<b>21.520.186.412</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	6.946.800
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		232.771.708	273.176.233
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		19.830.554.336	21.240.063.379
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.092.281.807</b>	<b>45.677.051.972</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>46.092.281.807</b>	<b>45.677.051.972</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.000.000.000	43.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		739.589.322	376.435.037
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		201.857.584	100.252.518
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.150.834.901	2.200.364.417
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-





**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

Địa chỉ: 9A Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

A	B	C	(1)	(2)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	V.23	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>238.000.257.812</b>	<b>233.053.499.058</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại USD			1.364,36	3.268,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ánh Thu

Giám đốc


  
 Phạm Đình Cường


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	(1)	(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	604.060.976.309	410.322.387.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.27	604.060.976.309	410.322.387.699
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	566.133.908.838	375.069.310.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		37.927.067.471	35.253.076.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.185.831.668	6.550.916.619
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	9.979.938.708	6.827.240.665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.642.733.622	6.610.395.887
8. Chi phí bán hàng	24		7.871.614.631	15.951.675.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.480.099.804	16.415.279.805
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.781.245.996	2.609.796.918
11. Thu nhập khác	31		1.022.014.778	3.379.913.261
12. Chi phí khác	32		268.814.239	3.466.979.041
13. Lợi nhuận khác	40		753.200.539	(87.065.780)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.534.446.535	2.522.731.138
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		383.611.634	322.366.721
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.150.834.901	2.200.364.417
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		500	512

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

*Đặng Thị Ánh Thu*

**Đặng Thị Ánh Thu**

Giám đốc



**Phạm Đình Cường**

